

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - PT  
Ngày 27 - 01 - 2021  
V/v tranh chấp nghĩa vụ cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Huân.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Sơn.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Bà Nguyễn Thị Việt Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLPT- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ - ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1 – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Số 46, Đường N, Xã Đ, Thành phố V, Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Số 12 đường T, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị Bùi Thị H2 - bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H2 kết hôn với nhau ngày 19 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị H2 về chung sống cùng gia đình anh tại xã Đ, thành phố V. Tình cảm vợ chồng chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 chị H2 bị tai nạn giao thông và bị thương tích nặng, gia đình anh đưa chị đi chữa bệnh dài ngày ở bệnh viện. Sau khi chị H2 bình phục sức khỏe thì chị thay đổi tính nết, phụ công chăm sóc và cư xử không đúng mực với gia đình anh. Cũng từ thời gian này vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn do hàng ngày một mình anh phải lo toan gánh vác cuộc sống gia đình, chị H2 bệnh tật ở nhà không giúp được gì cho gia đình và không chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đầu năm 2018, do bố mẹ anh làm nhà nên anh đã đưa chị H2 về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn G nhờ chăm sóc hộ. Sau đó anh có đón chị H2 về nhưng lúc này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bố mẹ đẻ chị H2 đến đón chị về nhà bố mẹ chị ở từ đầu năm 2018 tới nay và vợ chồng sống ly thân nhau hoàn toàn không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Khoảng giữa năm 2018, anh đã có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với chị H2 tại Tòa án, nhưng không được chấp nhận. Kể từ đó đến nay thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay anh xác định anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H2, vì vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không còn quan tâm tới nhau nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H2 để anh có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Anh và chị H2 có một con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2016. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh, ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi cháu M, anh không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện tại làm nghề sửa chữa xe máy tại nhà có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng một tháng, nên anh có điều kiện để nuôi cháu M.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là Bùi Thị H2 trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị là đúng. Chị thừa nhận năm 2018 anh H có đơn xin ly hôn chị, Tòa án giải quyết đã xét xử bác đơn xin ly hôn của anh H, nhưng kể từ đó đến nay, chị không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Vợ chồng chị sống ly thân nhau hoàn toàn từ đầu năm 2018 tới nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay anh H tiếp tục có đơn xin ly hôn chị, chị cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Tuy nhiên chị không

đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H phải cấp dưỡng cho chị theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi chị khỏe trở lại và có thể lao động nuôi được bản thân.

Về con chung: Chị thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2016. Hiện nay cháu M đang ở cùng anh H, nếu vấn đề ly hôn đặt ra chị xin được nuôi cháu M, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị hiện tại không có nghề nghiệp gì, đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thị trấn G, huyện B

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H2 thay đổi lời khai, chị yêu cầu nguyên đơn là anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị theo phương thức cấp dưỡng một lần với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vì lý do quá trình kết hôn với anh H chị bị tai nạn giao thông và là người khuyết tật (dạng khuyết tật nhìn), không có nghề nghiệp thu nhập gì, sống phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ và hàng tháng được hưởng trợ cấp của Nhà nước với số tiền là 894.000 đồng/tháng.

Tại Bản án sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ - ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn với chị Bùi Thị H2.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2016 (hiện nay cháu đang ở cùng anh H). Chị H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Mạnh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Bùi Thị H2 theo phương thức một lần số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người có nghĩa vụ không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2020 chị Bùi Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm lại bản án sơ thẩm vì chưa phù hợp và gây thiệt

hại nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của chị. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2021 chị H2 trình bày chị chỉ kháng cáo về nội dung nghĩa vụ cấp dưỡng của anh H đối với chị. Chị không đồng ý với mức cấp dưỡng là 50.000.000 đồng, chị đề nghị anh H phải cấp dưỡng cho chị một lần với số tiền là 200.000.000 đồng. Ngoài ra các nội dung khác của bản án sơ thẩm chị đồng ý và không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn kháng cáo yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng 1 lần cho bị đơn là 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng). Nguyên đơn nhất trí cấp dưỡng 1 lần cho bị đơn với mức cấp dưỡng là 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng) và thanh toán đủ cho bị đơn 65.000.000 đồng (sáu mươi năm triệu đồng) tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký và của các đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc điều hành phiên tòa của Thẩm phán đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa chị H2 đề nghị anh H phải cấp dưỡng 1 lần cho chị với mức cấp dưỡng là 65.000.000 đồng và anh H đồng ý và đã thanh toán đủ cho chị H2. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của chị Bùi Thị H2 trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Mạnh H và chị Bùi Thị H2 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, chị H2 bị tai nạn giao thông, sức khỏe bị suy giảm, cuộc sống gia đình gặp khó khăn về kinh tế, chị H2 không có công ăn việc làm không chăm sóc được con cái dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm. Anh H và chị H2 sống ly thân nhau từ đầu năm 2018, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc với nhau. Anh H đã một lần đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng không được Tòa án chấp nhận và kể từ đó đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện, anh chị cũng không về chung sống một nhà. Nay anh H tiếp tục xin ly hôn chị H2, mặc dù chị H2 không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt thời gian sống ly thân cũng như quá trình hòa giải tại Tòa án sơ

thẩm, chị H2 không có bất cứ biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa sơ thẩm chị cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị H2 đã thực sự không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có hướng để đoàn tụ. Bản án sơ thẩm đã cho anh H được ly hôn chị H2 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh H và chị H2 có một con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2016, hiện nay cháu M đang ở cùng anh H. Ly hôn anh H và chị H2 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M. Tuy nhiên, chị H2 hiện là người khuyết tật, không có nghề nghiệp, thu nhập, sống phụ thuộc vào bố mẹ và tiền trợ cấp trợ cấp xã hội. Anh H khỏe mạnh, hàng ngày sửa chữa xe máy tại gia đình có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng mỗi tháng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu M bản án sơ thẩm đã giao cho anh H được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tiến M là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Chị H2 kháng cáo không đồng ý anh H cấp dưỡng cho chị một lần là 50.000.000 đồng, chị H2 đề nghị cấp phúc thẩm xử buộc anh H phải cấp dưỡng cho chị một lần với số tiền là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H2 đề nghị anh H cấp dưỡng cho chị 1 lần với số tiền là 65.000.000 đồng, anh H đồng ý và đã thanh toán đủ 65.000.000 đồng cho chị tại Tòa án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị H2 yêu cầu cấp dưỡng nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Căn cứ các Điều 107, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Anh Nguyễn Mạnh H cấp dưỡng cho chị Bùi Thị H2 theo phương thức cấp dưỡng một lần với mức cấp dưỡng là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi năm triệu đồng*). Xác nhận anh Nguyễn Mạnh H đã cấp dưỡng cho chị Bùi Thị H2 đủ số tiền 65.000.000 đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị H2 không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Ngọc Huân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Sơn      Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

**Đinh Ngọc Huân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Sơn      Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

**Đinh Ngọc Huân**